

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 326/2021/HS-ST  
Ngày 11 – 11 -2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Trần Thị Thắm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;
2. Ông Nguyễn Văn Minh.

*Thư ký phiên toà:* Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Bá Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 335/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 341/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Võ Duy N, sinh năm 1972 tại tỉnh A; hộ khẩu thường trú: Ấp Tấn B, xã Tấn M, huyện C, tỉnh A; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 03/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Không rõ và bà Võ Thị Lệ T, đã chết; bị cáo có 01 chị ruột, sinh năm: không rõ; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2021, có mặt.

- *Bị hại:* Trần Thiện T1, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp Thạnh L, xã Thạnh L1, huyện G, tỉnh K. Có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Trần Thị T2, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp Thạnh L, xã Thạnh L1, huyện G, tỉnh K. Vắng mặt;

+ Lê Minh T3, sinh năm 1966; Ấp Tấn B, xã Tấn M, huyện C, tỉnh A. Vắng mặt.

*\* Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người chứng kiến:* Trần Văn T4, sinh năm 1972; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút, không rõ ngày cuối tháng 4/2020, tại khu vực Quảng trường xanh thuộc tổ 7, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, Võ Duy N hỏi mượn xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh, trắng, đen, biển số 68G1 – 132.41 của anh Trần Thiện T1 để đi ăn sáng xong về sẽ trả. Anh T1 tin tưởng đồng ý giao xe. Sau khi nhận được tài sản, N điều khiển xe đi ăn sáng. Sau đó N không mang xe về trả cho anh T1 mà chạy về quê tại địa chỉ Ấp Tấn B, xã Tấn M, huyện C, tỉnh A. Trên đường đi, do lo sợ anh T1 gọi điện đòi xe nên N đã tháo sim điện thoại vứt bỏ dọc đường. Đến 07 giờ sáng ngày hôm sau, N đem xe mô tô của anh T1 đến gặp ông Lê Minh T3, sinh năm 1966 ngụ cùng ấp cầm cố cho ông T3 với giá 3.000.000 đồng. Ông T3 có hỏi xe của ai thì N trả lời xe của N, do đang kẹt tiền nên cầm đỡ vài tháng có tiền chuộc lại nên ông T3 đồng ý. Sau đó, N đón xe khách đi đến thành phố T, tỉnh Bình Dương, dùng tiền vừa cầm xe để mua vé số đi bán dạo và tiêu xài.

Đối với anh Trần Thiện T1, sau khi chờ đợi không thấy N mang xe về trả nên đã gọi điện đòi xe thì ban đầu N hứa hẹn tối sẽ trả xe, sau đó do N vứt bỏ sim điện thoại nên không liên lạc được. Đến ngày 27/6/2021, anh T1 nhìn thấy N đi lang thang trên đường thuộc khu vực phường An P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên đã yêu cầu N đi đến Công an phường Đông H, thành phố D để giải quyết. Tại đây, N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 105/BB.ĐG ngày 28/6/2021 của Hội đồng định giá thành phố D kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh - trắng – đen, biển số: 68G1-132.41 (số máy: 55P1 - 230956, số khung: 5P1ODY230939) có trị giá là 14.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản số: 105/BB.ĐG ngày 28/6/2021 của Hội đồng định giá thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Đối với ông Lê Minh T3 sau khi nhận cầm cố xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh - trắng – đen, biển số: 68G1-132.41 của Võ Duy N được khoảng 04 tháng do không liên lạc được với N nên ông T3 đã bán lại xe trên cho 01 người lạ tại khu vực cửa khẩu Vĩnh S thuộc thị xã Vĩnh C, tỉnh An Giang nên không thu hồi được. Việc ông T3 nhận cầm cố tài sản cho Võ Trọng N nhưng không biết tài sản do N chiếm đoạt mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không đề nghị xử lý.

Tại Cáo trạng số: 349/CT-VKS ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố Võ Duy N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Võ Duy N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đồng thời đề

ng nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Võ Duy N từ 08 (tám) đến 10 (mười) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Thiện T1 yêu cầu bị cáo Võ Duy N bồi thường 14.000.000 đồng, là trị giá xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh - trắng – đen, biển số: 68G1-132.41, bị cáo Võ Duy N đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo N bồi thường số tiền trên.

Đối với chị Trần Thị T2, sinh năm 1978, địa chỉ: Ấp Thạnh L, xã Thạnh L1, huyện G, tỉnh K là chủ sở hữu xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh - trắng – đen, biển số: 68G1-132.41. Năm 2019, chị T2 cho em trai là Trần Thiện T1 mượn xe đi làm. Sau khi bị N chiếm đoạt, anh T1 đã tự mua xe khác bồi thường cho chị T2, chị T2 không có yêu cầu gì khác nên không đề cập xem xét.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt và về trách nhiệm dân sự. Đồng thời lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người chứng kiến và những chứng cứ, tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng 07 giờ không rõ ngày cuối tháng 4/2020 tại khu vực Quảng trường xanh thuộc tổ 7, khu phố T, phường Đông H, thành phố D, tỉnh Bình Dương, Võ Duy N mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh - trắng – đen, biển số: 68G1-132.41 là của bị hại anh Trần Thiện T1 có giá trị là 14.000.000 đồng, sau đó tắt điện thoại đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân.

*Theo quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:*

*Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều*

168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

b).....

[3] Như vậy, hành vi của bị cáo sau khi nhận tài sản của bị hại rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản có giá trị 14.000.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số: 349/CT – VKS ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo Võ Duy N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi nhận tài sản của bị hại rồi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân là trái pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn kiếm tiền nhanh chóng không phải lao động để phục vụ nhu cầu bản thân mà bị cáo cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với việc Công an phường Đông H, thành phố D, tỉnh Bình Dương lập biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú đối với Võ Duy N là không đúng nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Thiện T1 yêu cầu bị cáo Võ Duy N bồi thường 14.000.000 đồng, là trị giá xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu

xanh - trắng – đen, biển số: 68G1-132.41, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên nên yêu cầu trên của anh T1 là có cơ sở chấp nhận.

[9] Đối với hành vi cầm cố 01 (một) mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh - trắng – đen, biển số: 68G1-132.41 của ông Lê Minh T3, do ông T3 không biết xe này do N phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không đề cập xử lý, là đúng theo quy định của pháp luật.

[10] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Võ Duy N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Duy N 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Võ Duy N bồi thường cho anh Trần Thiện T1 số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Võ Duy N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Công an thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự thành phố Dĩ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND phường Đông Hòa;
- Phòng PV 06 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 10 CA tỉnh BD;
- Bị hại, người liên quan;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKS nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thắm**